

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/02/2023

“V/v ly hôn giữa chị K và anh T”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Túy

2. Ông Đặng Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 303/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị K sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Trần Hữu T (Trần Công T) sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

(Tại phiên tòa có mặt chị K; anh T – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Hữu T (Trần Công T) tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 03/7/2002. Quá trình chung sống đến đầu năm 2007 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, cộng với việc vợ chồng không có con chung. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 5/2007,

vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Trần Hữu T (Trần Công T) không có con chung. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt cùng ngày 03/01/2023 bị đơn anh Trần Hữu T (Trần Công T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như chị Bùi Thị K đã trình bày là đúng. Nay chị K có đơn xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị Bùi Thị K không có con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị K khởi kiện ly hôn với anh Trần Hữu T (Trần Công T), do anh T là bị đơn cư trú Thôn V, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Q là Tòa án giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Q, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bùi Thị K và anh Trần Hữu T (Trần Công T) là vợ chồng, được UBND xã X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 03/7/2002 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu 2007 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 5/2007, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị xin ly hôn anh T. Anh T cũng nhất trí ly hôn chị K. Tòa án đã ấn định thời gian hòa giải nhưng anh T không có mặt, anh T không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, chị K đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho chị Khuyến được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị K và anh Trần Hữu T không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị K và anh Trần Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị K và anh Trần Hữu T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị K được ly hôn anh Trần Hữu T (Trần Công T).

2. Về con chung: Chị Bùi Thị K và anh Trần Hữu T (Trần Công T) không có con chung.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng chị K đã nộp theo biên lai thu số 0004944 ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Hữu T (Trần Công T) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự h. Quỳnh Phụ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)

